

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 02-8-2017.

V/v tranh chấp HNGĐ.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Nam Bình.

2. Bà Hà Thị Thu Phương.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Tiến Thành - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Huyền - Kiểm sát viên

Ngày 02 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/TLST-HNGĐ ngày 13/6/2017 về “Yêu cầu không công nhận là vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2017/QĐXXST - HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị L, sinh năm: 1968

ĐKKHKT và chỗ ở: Tổ 35, phường H, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm: 1964

ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn V, xã P, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****) Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/5/2017, lời khai và các tài liệu chứng cứ đã xuất trình, thì nguyên đơn: Chị Bùi Thị L trình bày và có yêu cầu cụ thể như sau:***

Chị và anh Nguyễn Văn C tự nguyện tổ chức lễ cưới theo truyền thống và chung sống với nhau từ tháng 02/1987 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy

định. Đến năm 2004 thì do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và trong làm ăn kinh tế nên chị và anh C không chung sống với nhau từ đó cho đến nay, mỗi người sống một nơi, không còn quan tâm đến nhau nữa. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án xử không công nhận chị và anh C là vợ chồng.

Về con chung: Chị và anh C có ba con chung là Nguyễn Trung K, sinh ngày 10/10/1987 (đã chết năm 2010); Nguyễn Thị Thanh X, sinh ngày 04/10/1992, hiện con đã trên 18 tuổi, không bị hạn chế về năng lực dân sự, có khả năng lao động nên không đề nghị Tòa án giải quyết và con Nguyễn Linh A, sinh ngày 26/8/2013, hiện nay đang ở cùng chị, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con A, không yêu cầu anh C cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Chị và anh C không có tài sản chung, không nợ ai tài sản gì, cũng không có tài sản cho người khác vay nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

****) Bị đơn: Anh Nguyễn Văn C trình bày:***

Anh và chị Bùi Thị L tự nguyện tổ chức lễ cưới theo truyền thống và chung sống với nhau từ tháng 02/1987 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định. Trong quá trình chung sống thì anh và chị L phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính cách không hòa hợp nên anh chị đã không chung sống với nhau từ năm 2004 cho đến nay, mỗi người sống một nơi, không còn quan tâm đến nhau nữa. Chị L đề nghị Tòa án không công nhận anh và chị L là vợ chồng thì anh đề nghị Tòa án xử không công nhận anh và chị L là vợ chồng để anh tạo dựng cuộc sống mới, yên tâm làm ăn sinh sống.

- Về con chung: Anh và chị L có ba con chung là Nguyễn Trung K, sinh ngày 10/10/1987 (đã chết năm 2010); Nguyễn Thị Thanh X, sinh ngày 04/10/1992, hiện con đã trên 18 tuổi, không bị hạn chế về năng lực dân sự, có khả năng lao động nên không đề nghị Tòa án giải quyết và con Nguyễn Linh A, sinh ngày 26/8/2013, hiện nay đang ở cùng chị L, anh đề nghị giao con Nguyễn Linh A cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chị L không yêu cầu anh cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung: Anh và chị L không có tài sản chung, không nợ ai tài sản gì, cũng không có tài sản cho người khác vay nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến tại phiên tòa giải quyết vụ án dân sự:***

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đều tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật.

Đề nghị HĐXX áp dụng: Điều 147; 203; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 điều 9; Khoản 1 điều 14; Điều 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 26; 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14:

- Xử không công nhận chị Bùi Thị L và anh Nguyễn Văn C là vợ chồng.

- Về con chung: Xử công nhận sự thỏa thuận của chị Bùi Thị L và anh Nguyễn Văn C: Giao con Nguyễn Linh A, sinh ngày 26/8/2013 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chị L không yêu cầu anh C cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung: Chị L và anh C không có tài sản chung, không nợ ai tài sản gì, không có tài sản cho người khác vay. Không đặt ra giải quyết về tài sản chung.

- Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Chị L và anh C có quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Thị L và anh Nguyễn Văn C được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo truyền thống vào tháng 02/1987 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định. Trong quá trình chung sống thì chị L và anh C phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên mỗi người đã sống một nơi từ năm 2004 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Do chị L và anh C sống với nhau như vợ chồng không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay chị L đề nghị không công nhận chị và anh C là vợ chồng. Vì vậy, cần xử không công nhận chị Bùi Thị L và anh Nguyễn Văn C là vợ chồng.

[2] Về quan hệ con chung: Chị L và anh C có ba con chung là Nguyễn Trung K sinh ngày 10/10/1987 (đã chết năm 2010); Nguyễn Thị Thanh X, sinh ngày 04/10/1992, hiện con đã trên 18 tuổi, không bị hạn chế về năng lực dân sự, có khả năng lao động nên không đặt ra giải quyết và con Nguyễn Linh A, sinh ngày 26/8/2013, hiện nay đang ở cùng chị L. Chị L và anh C thỏa thuận: Giao con A cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chị L không yêu cầu anh C cấp dưỡng cho con. Xét thỏa thuận này của chị L và anh C là phù hợp pháp luật, không trái đạo đức xã hội cần chấp nhận.

[3] Về quan hệ tài sản: Chị L và anh C không có tài sản chung, không nợ ai tài sản gì, không có tài sản cho người khác vay, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí: Chị L phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Căn cứ nhận xét trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều: Điều 147; 203; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 điều 9; Khoản 1 điều 14; Điều 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 26; 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14:

I/ Về quan hệ hôn nhân: Xử không công nhận chị Bùi Thị L và anh Nguyễn Văn C là vợ chồng.

II/ Về quan hệ con chung: Xử công nhận sự thỏa thuận của chị Bùi Thị L và anh Nguyễn Văn C: Giao con Nguyễn Linh A, sinh ngày 26/8/2013 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chị L không yêu cầu anh C cấp dưỡng cho con.

Chị L và anh C có quyền, nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu mức cấp dưỡng cho con khi cần thiết.

III/ Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

IV/ Án phí: Chị Bùi Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, chuyển số tiền 300.000 đồng chị L đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu tạm ứng án phí số 0006498 ngày 08/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình thành án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự ; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các đương sự, báo cho biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Thái Bình;
- Chi cục THADS TP. Thái Bình;
- Các đương sự;
- UBND xã P, TP. T;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Hồng Thái